TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13/8/2019
V/v "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tân An

2. Bà Phạm Thị Bích Vân

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Hồng D**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khu vực T, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ. *(Có mặt)*

- *Bị đơn*: Bà **Tạ Thị P**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Khu vực T, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ. *(Có đơn xin vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2019 và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Trần Hồng D trình bày: Vào năm 2002, ông và bà Tạ Thị P quen biết, yêu thương nhau và đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới, nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L vào ngày 17/5/2007.

Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất hòa nhau trong tình cảm và về kinh tế gia đình nên thường xuyên cãi vã nhau, ông đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà P.

Về con chung: ông bà có 01 con tên Trần Thị H (nữ), sinh ngày 09/9/1988. Đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: ông xác định là không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 02/8/2019, bị đơn bà Tạ Thị P trình bày: Nguyên vào năm 1998, bà và ông Trần Hồng D tự quen biết nhau sau đó cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn năm 2007. Đến đầu năm 2019 thì ông D không quan tâm vợ con, không nói chuyện với ai, sau đó bà tìm hiểu thì biết ông D có người phụ nữ khác bên ngoài, thường xuyên đi sớm về khuya nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông bà đã ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay. Xét thấy không thể hàn gắn tình cảm nên bà đồng ý ly hôn với ông D.

Về con chung: Ông bà có 01 con tên Trần Thị H (nữ), sinh ngày 09/9/1988. Đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: bà trình bày là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đối với bị đơn bà Tạ Thị P để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng bà Phẩm có đơn xin vắng mặt (Đơn xin vắng mặt đề ngày 02/8/2019). Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Trần Hồng D và bà Tạ Thị P tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên ông D khởi kiện xin ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà P có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Ông D và bà P chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2007, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa hôm nay, ông D cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng mâu thuẫn nhau về điều kiện kinh tế, thiếu tin tưởng nhau, lạnh nhạt trong quan hệ vợ chồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông đã cố hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên ông bà đã ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay. Nay ông không còn tình cảm với bà P nữa nên ông yêu cầu được ly hôn bà P.

Về phía bà P, bà P mặc dù vắng mặt nhưng trong Bản tự khai ngày 02/8/2019 bà cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất hòa về tình cảm, ông D không quan tâm vợ con và có người phụ nữ khác bên ngoài nên cuộc sống không hạnh phúc và ông bà đã ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay, nay không thể hàn gắn tình cảm nên bà đồng ý ly hôn.

Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông D là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về con chung: Ông bà có 01 con tên Trần Thị H (nữ), sinh ngày 09/9/1988. Hiện nay Trần Thị H đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Trong bản tự khai của ông D và bà P đều trình bày là không có. Tuy nhiên, do tại phiên tòa vắng mặt bà P nên tách

phần tài sản chung, nợ chung ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có phát sinh tranh chấp và các bên đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hồng Dân.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hồng D được ly hôn bà Tạ Thị P.

- Về con chung: Trần Thị H (nữ), sinh ngày 09/9/1988 đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Do vắng mặt bị đơn nên tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có phát sinh tranh chấp và các bên đương sự có yêu cầu.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Hồng D phải chịu số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng),* chuyển tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp theo biên lai thu số 000198 ngày 05/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn sang thành tiền án phí (công nhận ông D đã nộp xong).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND phường;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trương Thị Liên